

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.
2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Mộng T**, sinh năm 1981. *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực Tr, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1980. *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực Tr, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Mộng T trình bày:

Năm 1999, chị và anh Nguyễn Văn Th sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An, quận Ô Môn vào ngày 28/7/2009.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Đến đầu năm 2019, anh Th trở về để hàn gắn và chung sống với chị nhưng do chị không tin tưởng anh Th sẽ thay đổi nên chị không đồng ý hàn gắn

tình cảm. Mặc dù sống chung nhà những giữa chị và anh Th đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh K (nam, sinh ngày 02/12/2000) và Nguyễn Thu H (nữ, sinh ngày 15/02/2004). Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H đến trưởng thành, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Minh K đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh Th nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Mộng T và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị T khởi kiện ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th tiến tới hôn nhân năm 1999, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi phát hiện sự việc thì chị có khuyên can nhưng anh Th không sửa đổi mà còn chửi mắng chị. Đầu năm 2019, anh Th

trở về muốn hàn gắn nhưng chị không đồng ý nên anh Th bỏ đi làm ở xa, thỉnh thoảng có về thăm con nhưng chị và anh Th vẫn không hàn gắn tình cảm được. Nay chị T xác định đã không còn tình cảm với anh Th nên chị yêu cầu được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh Th đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía anh Th nhiều lần vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy anh Th đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Th là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh Th có 02 con chung tên Nguyễn Minh K (nam, sinh ngày 02/12/2000) và Nguyễn Thu H (nữ, sinh ngày 15/02/2004). Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H đến trưởng thành, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Minh K đã trưởng thành và đã lập gia đình nên chị T không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H; đồng thời, cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần ổn định cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H đến trưởng thành là phù hợp.

Mặc dù anh Th không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh Th quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh Th thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không có yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Th vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; 56; 57; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Mộng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu H (nữ, sinh ngày 15/02/2004) cho chị Trần Mộng T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Nguyễn Văn Th không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Minh K (nam, sinh ngày 02/12/2000) đã trưởng thành, không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh Th thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Mộng T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010830 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Thới An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế